

Tương quan giữa chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và sự phát triển các doanh nghiệp địa phương

Vương Đức Hoàng Quân

Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM - quan_vdh@yahoo.com

Ngày nhận:	12/04/2014	Tóm tắt
Ngày nhận lại:	07/07/2014	Sử dụng số liệu thu thập từ năm 2006 - 2011, nghiên cứu phân tích mối tương quan giữa xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và sự phát triển của các doanh nghiệp (DN) địa phương. Kết quả cho thấy chưa có sự tương quan giữa thứ hạng PCI và các chỉ số phản ánh sự phát triển của doanh nghiệp; do vậy, chúng ta cần thận trọng khi diễn dịch kết quả thứ hạng PCI của một địa phương, đặc biệt là khi xem PCI như là động lực thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.
Ngày duyệt đăng:	10/07/2014	
Mã số:	0514-O-07	

Từ khóa:
PCI, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, phát triển kinh tế.

Keywords:
PCI, local government, enterprise, economic development.

Abstract

Employing data of the years 2006-2011, the research analyzes relationship between PCI ranking and development of enterprises in certain provinces. The results show that the data do not demonstrate the relationship between the PCI ranking and indexes of development of enterprises. This implies that great caution should be taken when interpreting the PCI ranking of a province, especially in treating the PCI as a driving force for the provincial economic development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế (PTKT) của địa phương thì việc điều hành kinh tế của chính quyền địa phương là một trong những yếu tố có ý nghĩa quan trọng. Trong khi lợi thế về vị trí địa lý cũng như tài nguyên thiên nhiên là lợi thế “cứng” - lợi thế không thể thay đổi được thì điều hành kinh tế tạo ra lợi thế “mềm” - lợi thế có thể thay đổi dựa vào năng lực, mức độ cam kết cũng như mong muốn và nỗ lực của những người lãnh đạo địa phương.

Nhằm mục đích đo lường và đánh giá công tác quản lý và điều hành của chính quyền cấp tỉnh, các tổ chức phi chính phủ đã phối hợp với VCCI thiết kế bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và triển khai khảo sát từ năm 2005. Bộ chỉ số này góp phần làm thay đổi nhận thức các địa phương về lợi thế “mềm” của mình cũng như thúc đẩy sự PTKT, đặc biệt là khu vực kinh tế dân doanh.

Mặc dù vậy, qua thời gian triển khai thực hiện, các báo cáo về PCI cũng đặt ra một số điểm cần xem xét. Cho đến nay, chưa có nghiên cứu khoa học nào chứng minh được mối quan hệ giữa PCI với sự PTKT của các địa phương thông qua việc phân tích các số liệu thực tế tại VN.

Để phân tích mối quan hệ giữa PCI với sự PTKT địa phương, chúng ta cần có những nghiên cứu hết sức đầy đủ, đặc biệt là mối quan hệ giữa PCI với GDP của địa phương. Tuy nhiên, sau khi cân nhắc những khó khăn trong việc thống nhất khái niệm GDP của địa phương về mặt lý thuyết cũng như trong tính toán thực tế của số liệu này, tác giả đề xuất một hướng tiếp cận khác trong việc nghiên cứu mối tương quan trong thực tiễn giữa chỉ số PCI và sự phát triển kinh tế địa phương cấp tỉnh: đó là tiếp cận từ hướng DN. Các DN là nền tảng của sự PTKT địa phương, do đó nếu PCI có mối quan hệ với sự phát triển của các DN thì có thể nhận định rằng PCI sẽ có mối quan hệ với sự PTKT của địa phương; thêm vào đó, PCI được xây dựng dựa trên khảo sát các DN nên việc phân tích mối quan hệ này sẽ có mức độ tin cậy rất cao.

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm kiểm chứng mối quan hệ giữa PCI và sự phát triển của DN tại các tỉnh thành. Dựa trên mục tiêu đó, câu hỏi nghiên cứu đặt ra: Có thể khẳng định có mối quan hệ giữa địa phương có xếp hạng PCI cao và sự phát triển mạnh của DN hay không?

2. KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

2.1. PCI

PCI được sử dụng như một công cụ quan trọng để đo lường và đánh giá công tác quản lý và điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố VN trên 9 yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế dân doanh, bao gồm:

- Chi phí gia nhập thị trường;
- Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất;
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin;
- Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước;
- Chi phí không chính thức;
- Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh;
- Dịch vụ hỗ trợ DN;
- Đào tạo lao động; và
- Thiết chế pháp lý.

Phương pháp tiếp cận PCI có 4 đặc điểm đáng chú ý:

Thứ nhất, chỉ số PCI được xây dựng nhằm khuyến khích chính quyền các tỉnh cải thiện chất lượng công tác điều hành bằng cách chuẩn hóa điểm số xung quanh các thực tiễn điều hành kinh tế tốt sẵn có tại VN mà không dựa trên các tiêu chuẩn điều hành kinh tế lý tưởng nhưng khó đạt được. Do đó đối với từng chỉ tiêu, có thể xác định được những tỉnh “ngôi sao” hoặc những tỉnh dẫn đầu về chỉ tiêu đó, và về lý thuyết bất kì tỉnh nào cũng có thể đạt được điểm số PCI tuyệt đối là 100 bằng cách áp dụng các thực tiễn tốt sẵn có.

Thứ hai, bằng cách loại trừ ảnh hưởng của các điều kiện truyền thống ban đầu (các nhân tố cơ bản đóng góp vào tăng trưởng kinh tế trong một tỉnh và gần như không thể thay đổi trong ngắn hạn như vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, quy mô của thị trường và nguồn nhân lực), chỉ số PCI giúp xác định và hướng vào thực tiễn điều hành kinh tế tốt có thể đạt được ở cấp tỉnh.

Thứ ba, bằng cách so sánh đối chiếu giữa thực tiễn điều hành với kết quả PTKT, chỉ số PCI giúp lượng hóa tầm quan trọng của thực tiễn điều hành kinh tế tốt đối với thu hút đầu tư và tăng trưởng. Nghiên cứu chỉ ra được mối tương quan giữa thực tiễn điều hành kinh tế tốt với đánh giá của DN, và sự cải thiện phúc lợi của địa phương. Mối liên

hệ cuối cùng này đặc biệt quan trọng vì cho thấy các chính sách và sáng kiến thân thiện với DN khuyến khích họ hoạt động theo hướng đem lại lợi ích cho cả chủ DN, người lao động và cộng đồng thông qua tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho cả nền kinh tế.

Thứ tư, các chỉ tiêu cấu thành chỉ số PCI được thiết kế theo hướng dễ hành động, đây là những chỉ tiêu cụ thể cho phép cán bộ công chức của tỉnh đưa ra các mục tiêu phấn đấu và theo dõi được tiến bộ trong thực hiện. Các chỉ tiêu này cũng rất thực chất vì được DN nhìn nhận là các chính sách then chốt đối với sự thành công trong kinh doanh.

2.2. Sự phát triển của doanh nghiệp

Khi đánh giá sự phát triển của DN, có nhiều tiêu chí khác nhau, hầu hết tập trung vào sự gia tăng về quy mô và hiệu quả của DN. Các tiêu chí dùng để tính sự gia tăng quy mô như: Vốn, lao động, tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn, thị phần ... Các tiêu chí dùng để tính sự gia tăng hiệu quả hoạt động như: Doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động, thu nhập người lao động...

Khi đánh giá tổng thể DN, các tiêu chí trên vẫn đúng. Tuy nhiên, việc tổng hợp dữ liệu là hết sức khó khăn. Do vậy mà nghiên cứu chỉ dừng lại ở một vài tiêu chí. Dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, nghiên cứu sử dụng 4 tiêu chí để đánh giá sự phát triển của DN địa phương. Những tiêu chí này lần lượt được Tổng cục Thống kê định nghĩa như sau:

- Số lượng: Tổng số DN đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 tính theo địa phương.
- Vốn: Tổng số vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các DN tính theo địa phương.
- Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn (TSCĐ&ĐTTCDH): Tổng giá trị TSCĐ&ĐTTCDH của các DN tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo địa phương.
- Doanh thu thuần (DTT): Tổng thu nhập của các DN do tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp các dịch vụ cho bên ngoài sau khi trừ các khoản thuế (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp) và trừ các khoản giảm trừ. DTT không bao gồm: Doanh thu hoạt động tài chính; và doanh thu các hoạt động bất thường: Thanh lý, nhượng bán tài sản, thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý...

Trong phạm vi nghiên cứu này, sự phát triển của DN được hiểu là sự gia tăng 1 trong 4 chỉ số trên. Và sự phát triển mạnh hơn được hiểu là sự gia tăng lớn hơn của 1 trong 4 chỉ số trên.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp tiếp cận

Nếu PCI là công cụ tốt để đo lường và đánh giá công tác quản lý và điều hành kinh tế của địa phương thì khi PCI cao hơn có nghĩa là công tác quản lý và điều hành kinh tế của địa phương tốt hơn. Điều này dẫn đến hiệu quả trong các hoạt động kinh tế địa phương nói chung và hiệu quả của DN nói riêng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP tạo ra bởi các DN chiếm ít nhất là 60% tổng GDP (giai đoạn 2006 – 2011). Bên cạnh đó, sức ảnh hưởng của DN đến các thành phần kinh tế khác cũng rất lớn. Do vậy, biến động của DN ảnh hưởng cực kì lớn đến tổng GDP địa phương.

Trong phạm vi nghiên cứu này, PCI sẽ được so sánh với các khía cạnh khác nhau của DN địa phương để tìm mức độ tương quan. Các so sánh này giúp làm sáng tỏ phần nào tính đại diện và vai trò của PCI trong sự phát triển địa phương. Ở đây, nghiên cứu không xem xét mối quan hệ nhân quả giữa PCI và sự phát triển của DN vì:

- PCI có đo lường và đánh giá được công tác quản lý và điều hành kinh tế địa phương hay không vẫn còn là một câu hỏi.
- Chưa biết được mức độ tác động của sự quản lý và điều hành kinh tế địa phương đến hiệu quả PTKT địa phương.
- Chưa biết rõ quan hệ nhân quả của sự phát triển DN đến GDP của địa phương vì còn nhiều yếu tố khác tác động.

Do vậy, nghiên cứu chỉ phân tích tương quan giữa PCI và sự phát triển DN. Giả thiết nghiên cứu: Nếu PCI thực sự đại diện cho công tác quản lý và điều hành kinh tế địa phương thì phải có mối tương quan với sự phát triển DN.

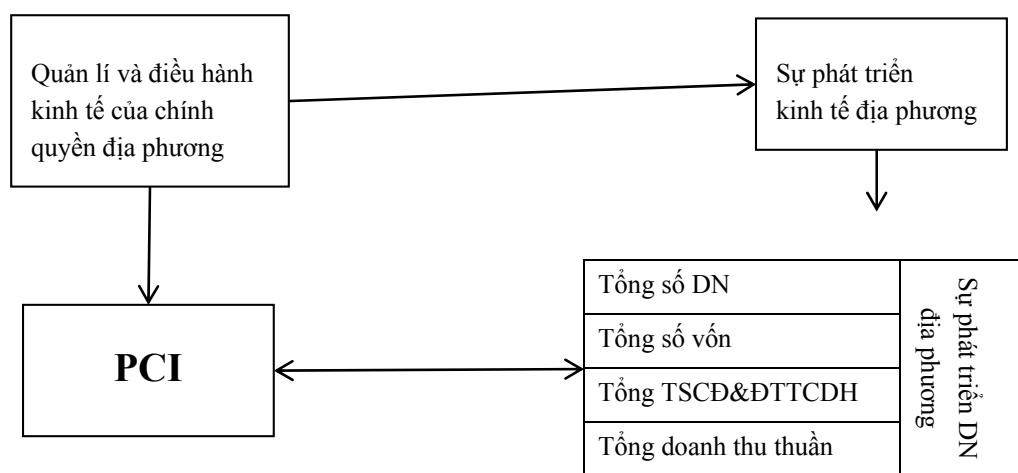
3.2. Khung phân tích

PCI là một bộ chỉ số đặc thù và mới, do vậy mà chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá về bộ chỉ số này. Nỗ lực tìm kiếm các nghiên cứu về PCI không đạt được kết quả. Bên cạnh đó, ý kiến của các chuyên gia cũng chỉ mới dừng lại ở mức đánh giá tính hợp lý của các chỉ tiêu của PCI chứ chưa có ý kiến nào liên quan đến tác động của PCI đến

PTKT địa phương. Do vậy, khung phân tích của nghiên cứu dựa trên những giả định và lập luận được trình bày trong phần đặt vấn đề và phương pháp tiếp cận.

Trong khung phân tích này, công tác quản lý và điều hành kinh tế địa phương được thể hiện bằng chỉ số PCI. Đây chính là mục tiêu đề ra của bộ chỉ số PCI. Công tác quản lý và điều hành này sẽ ảnh hưởng đến sự PTKT địa phương. Trong đó, sự phát triển DN địa phương là phần quan trọng nhất. Sự phát triển của các DN được thể hiện ở 4 khía cạnh: Tổng số DN, tổng số vốn, tổng số TSCĐ&ĐTTCDH, tổng DTT.

Như vậy, có mối quan hệ giữa PCI và 4 chỉ số thể hiện sự phát triển DN, và để làm rõ mối quan hệ này, nghiên cứu sẽ tiến hành phân tích hệ số tương quan giữa xếp hạng PCI của các địa phương và xếp hạng tăng trưởng của 4 chỉ số này.



3.3. Thu thập và xử lý dữ liệu

Dữ liệu được lấy từ 2 nguồn:

- PCI được lấy từ trang <http://www.pcivietnam.org/> với dữ liệu PCI từ năm 2006 - 2011.
- Số liệu DN được lấy từ *Niên giám thống kê* qua các năm từ 2006 – 2011.

Trong thời gian này, Hà Tây được nhập vào Hà Nội, do vậy số liệu của Hà Tây chỉ có từ năm 2006 - 2007. Điều này cũng dẫn đến số liệu năm 2008 của Hà Nội không thể dùng để so sánh với năm 2007.

Số liệu về DN từ *Niên giám thống kê* được tính toán mức độ tăng trưởng, sau đó xếp hạng của các địa phương theo thứ tự địa phương có mức tăng lớn xếp trên địa

phương có mức tăng nhỏ. Thứ tự này được dùng để tính toán tương quan với thứ tự xếp hạng của PCI.

Có 3 mức độ trễ được đưa vào tính toán 0; 1 và 2 tương ứng là tương quan giữa xếp hạng PCI năm i với thứ tự xếp hạng của DN các năm i , $i+1$ và $i+2$. Việc đưa độ trễ vào trong tính toán của nghiên cứu nhằm mang lại cái nhìn chính xác hơn về tác động của chỉ số PCI, vì việc cải thiện chỉ số PCI có thể chưa tác dụng ngay lên tình hình phát triển DN địa phương mà cần phải có một khoảng thời gian nhất định để chuyển biến các năng lực cạnh tranh thành các hiệu quả cụ thể lên sự phát triển DN địa phương.

4. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ

4.1. Số lượng doanh nghiệp tại địa phương

Các địa phương có lợi thế nhất định và truyền thông tốt thì dễ thu hút các DN đến đầu tư lập nghiệp. PCI cũng là một trong những cách truyền thông. PCI cao hơn có thể là yếu tố hấp dẫn thu hút các DN đến đầu tư.

Nhìn vào trung bình các độ trễ, ta thấy dường như có xu hướng tương quan mạnh ở những độ trễ lớn hơn. Với độ trễ bằng 0, trung bình của các chỉ số tương quan từng năm là 0,63%. Với độ trễ bằng 1 thì có số này là 6,66% và với độ trễ bằng 2 là 9,63%. Sự đồng nhất về dấu của 3 độ trễ cho thấy có thể có sự đồng biến trong mối quan hệ này.

Tuy nhiên, khi xem xét kĩ các chỉ số tương quan của từng năm, những dấu hiệu tích cực đều mất. Dấu của hệ số tương quan không đồng nhất là yếu tố đáng chú ý nhất. Trong 15 hệ số tương quan có 8 hệ số âm và 7 hệ số dương. Bên cạnh đó, mức độ dao động rất cao (từ -18,53% đến + 34,56%) khiến việc xác định mức độ tương quan giữa xếp hạng PCI và xếp hạng gia tăng số lượng DN rất khó. Nói cách khác, không có dấu hiệu tương quan giữa xếp hạng PCI và xếp hạng mức độ gia tăng số lượng DN của các địa phương.

Bảng 1. Tương quan giữa xếp hạng PCI với xếp hạng tăng trưởng số lượng DN địa phương

PCI \ SLDN	2006	2007	2008	2009	2010	2011
2006	-3,61%	-9,07%	-9,25%			
2007		-3,30%	-7,86%	-1,67%		

2008	0,81%	19,24%	14,87%	
2009		6,50%	-0,99%	34,56%
2010			-18,53%	31,98%
2011				21,91%
TB Độ trễ bằng 0	0,63%			
TB Độ trễ bằng 1	6,66%			
TB Độ trễ bằng 2	9,63%			

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu CPI và *Niên giám thống kê*

4.2. Tổng vốn sản xuất kinh doanh khối doanh nghiệp

Nếu số DN phản ánh sự hấp dẫn của địa phương thì sự gia tăng trong vốn sản xuất thể hiện sự tin tưởng của DN vào chính sách cũng như hiệu quả trong hoạt động sản xuất. Khi DN tin tưởng vào sự điều hành kinh tế của chính quyền địa phương và có lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh, họ sẵn sàng gia tăng lượng vốn của mình bằng nhiều cách như giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư hoặc sử dụng vốn vay để mở rộng sản xuất. Nếu kì vọng rằng PCI có xếp hạng cao hơn sẽ dẫn đến hiệu quả trong quản lí kinh tế địa phương thì xếp hạng PCI cao hơn sẽ dẫn tới sự gia tăng lớn hơn trong tổng vốn sản xuất của DN tại địa phương đó.

Nhìn vào trung bình các độ trễ, dễ nhận ra xu hướng trái ngược với sự tương quan giữa PCI và mức tăng số lượng DN: Độ trễ càng lớn, hệ số tương quan càng thấp. Dấu của các hệ số tương quan cũng không đồng nhất: Có cả dấu âm lẫn dấu dương. Hơn nữa, các con số trung bình này là rất thấp, trị tuyệt đối trung bình của giá trị lớn nhất là 7,7%.

Ở độ trễ bằng 0, tức là PCI và sự gia tăng vốn đồng thời xảy ra, trung bình hệ số tương quan cao nhất. Tuy nhiên, vẫn có dấu âm trong các hệ số tương quan của các năm. Cụ thể: Hệ số tương quan giữa xếp hạng PCI và mức gia tăng vốn của DN năm 2009 là -2,75%. Đối với các độ trễ khác, dấu của hệ số tương quan vẫn không đồng nhất.

Như vậy, cũng không tìm thấy sự tương quan giữa xếp hạng PCI và xếp hạng mức gia tăng vốn của DN cùng 1 địa phương.

Bảng 2. Tương quan giữa xếp hạng PCI với xếp hạng tăng trưởng vốn của DN địa phương

PCI \ Vốn	2006	2007	2008	2009	2010	2011
2006	8,22%	-0,87%	-9,05%			
2007		17,04%	-1,87%	-9,85%		
2008			5,68%	10,18%	17,38%	
2009				-2,75%	3,65%	-0,52%
2010					15,79%	-1,53%
2011						2,24%
TB Độ trễ bằng 0			7,70%			
TB Độ trễ bằng 1			1,91%			
TB Độ trễ bằng 2			-0,51%			

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu CPI và *Niên giám thống kê*

4.3. Tổng tài sản cố định và đầu tư tài chính khối doanh nghiệp

Tương tự như vốn, TSCĐ&ĐTTCĐH thể hiện sự cam kết của DN với địa phương. Sự gia tăng trong TSCĐ&ĐTTCĐH của DN thể hiện mong muốn gắn bó lâu dài của DN với địa phương và PCI là một yếu tố góp phần tạo nên sự gắn bó đó.

Trung bình các hệ số tương quan tương ứng với các độ trễ đều dương. Lớn nhất là trung bình tương ứng với độ trễ bằng 1: 10,63%. Tuy vậy, giá trị trung bình tương ứng với độ trễ bằng 0 và 2 có giá trị rất thấp, nhỏ hơn 6%. Xem xét các hệ số tương quan thành phần nhận thấy các hệ số tương quan có xu hướng mang dấu âm ở những năm 2008 - 2009, vốn là những năm nền kinh tế rơi vào khủng hoảng. Tuy nhiên, xu hướng này không phải là xu hướng rõ ràng vì xen lẫn vẫn có hệ số tương quan mang dấu dương. Bên cạnh đó, mức độ dao động của các hệ số tương quan là rất lớn (-15,36% đến +19,14%).

Như vậy, xếp hạng mức tăng trưởng về TSCĐ&ĐTTCĐH của DN các địa phương chưa chỉ ra được mối tương quan của nó với xếp hạng PCI.

**Bảng 3. Tương quan giữa xếp hạng PCI với xếp hạng tăng trưởng
TSCĐ&ĐTTCDH của DN địa phương**

PCI \ TSCĐ	2006	2007	2008	2009	2010	2011
2006	8,45%	13,25%	-4,16%			
2007		31,30%	-1,30%	-21,04%		
2008			2,97%	6,57%	17,91%	
2009				-15,36%	19,14%	18,46%
2010					6,13%	15,48%
2011						1,56%
TB Độ trễ bằng 0			5,84%			
TB Độ trễ bằng 1			10,63%			
TB Độ trễ bằng 2			2,79%			

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu CPI và *Niên giám thống kê*

4.4. Tổng doanh thu thuần của khối doanh nghiệp

DTT của DN thể hiện hiệu quả hoạt động của DN tại một địa phương. Nếu địa phương có xếp hạng PCI cao, kì vọng là mức tăng của DTT DN cũng cao hơn các địa phương khác.

Tuy nhiên, số liệu không chỉ ra được điều này. Mức trung bình hệ số tương quan tương ứng với các độ trễ lại mang dấu không đồng nhất. Các hệ số thành phần tương ứng với từng độ trễ cũng vậy. Các trung bình hệ số tương quan đối với các độ trễ có giá trị cũng khá nhỏ, chỉ xấp xỉ 5%. Trong khi đó mức độ dao động trong các hệ số tương quan vẫn rất lớn (-33,47% đến 21,05%).

Những điều trên cho phép kết luận, chưa tìm thấy bằng chứng về ảnh hưởng của xếp hạng PCI tới xếp hạng mức tăng trong DTT DN của các địa phương.

Bảng 4. Tương quan giữa xếp hạng PCI với xếp hạng tăng trưởng DTT của DN địa phương

Doanh thu PCI	2006	2007	2008	2009	2010	2011
2006	2,20%	-12,17%	-3,74%			
2007		-14,44%	-1,77%	-33,47%		
2008			7,41%	14,74%	9,90%	
2009				-24,46%	6,28%	4,12%
2010					10,42%	16,35%
2011						21,05%
TB Độ trễ bằng 0			0,36%			
TB Độ trễ bằng 1			4,69%			
TB Độ trễ bằng 2			-5,80%			

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu CPI và niên giám thống kê

4.5. So sánh Đà Nẵng, Lào Cai, TP.HCM, Đắk Nông

Đà Nẵng và Lào Cai là 2 địa phương có xếp hạng CPI cao nhất cả nước qua các năm. Vị trí trung bình của Đà Nẵng trên bảng xếp hạng từ 2006 - 2011 là 2/63 và Lào Cai là 6,3/63. Trong khi đó, TP.HCM là địa phương chiếm tỉ trọng GDP cao nhất cả nước có xếp hạng trung bình là 19,3/63. Đắk Nông là địa phương có xếp hạng trung bình thấp nhất, chỉ 59,5/63.

Xét trên một số phương diện của nền kinh tế, Lào Cai và Đắk Nông có nhiều nét tương đồng khi đây là 2 địa phương nằm xa các trung tâm kinh tế lớn. Trong khi TP.HCM và Đà Nẵng là 2 thành phố trực thuộc trung ương và được xem là các trung tâm phát triển chính của khu vực. Câu hỏi đặt ra ở đây là: Sự khác biệt trong thứ hạng CPI có tạo ra chênh lệch trong sự phát triển của DN các địa phương này không?

Bảng 5. Xếp hạng PCI của các địa phương qua các năm

PCI	2006	2007	2008	2009	2010	2011	TB
Đà Nẵng	2	2	1	1	1	5	2,0
Lào Cai	6	5	21	3	2	1	6,3
Đắk Nông	63	64	46	62	63	59	59,5
TP.HCM	7	10	40	16	23	20	19,3

Nguồn: Tổng hợp từ www.pcivietnam.org

Bảng 5 cho thấy Lào Cai chính là địa phương có số lượng DN tăng ít nhất. Trong khi đó 3 địa phương còn lại, tốc độ tăng lại xấp xỉ bằng nhau. Đối với vốn, Đà Nẵng là địa phương có tốc độ tăng thấp nhất trong khi Đắk Nông có mức tăng cao nhất, với mức chênh lệch giữa 2 địa phương lên đến 14%. Tuy nhiên cũng cần phải nói thêm rằng quy mô kinh tế của các địa phương chênh lệch quá lớn (tổng số vốn của DN Đà Nẵng gấp gần 10 lần tổng số vốn của DN Đắk Nông) tác động không nhỏ tới sự tăng trưởng của tổng vốn DN.

Bảng 6. Số DN và tổng số vốn của DN các địa phương

Năm	Số DN			Vốn (Tỉ VND)		
	2005	2011	TB/năm	2005	2011	TB/năm
Đà Nẵng	2.621	8.050	20,57%	28.534	127.145	28,28%
Lào Cai	638	1.022	8,17%	4.109	21.643	31,91%
Đắk Nông	227	656	19,35%	1.604	13.648	42,88%
TP.HCM	31.292	104.299	22,22%	600.889	3.863.043	36,36%

Nguồn: Tổng hợp từ *Niên giám thống kê*

Tương tự, đối với tài sản cố định và DTT, số liệu cũng không phản ánh sự khác biệt trong xếp hạng CPI. Giữa địa phương đầu bảng xếp hạng và địa phương xếp cuối bảng thậm chí còn có sự đảo ngược. Đối với tiêu chí tài sản cố định của DN, trong khi mức tăng trung bình của Đắk Nông là 61,54% mỗi năm thì Đà Nẵng chỉ là 35,7%. Con số này đối với Lào Cai và TP.HCM lại là tương đương nhau (lần lượt là 32,80% và 36,43%). Đối với tiêu chí DTT, Lào Cai là địa phương có mức tăng hàng năm cao nhất, trong khi Đà Nẵng lại là một địa phương có mức tăng hàng năm thấp nhất

(42,73% so với 22,38%). TP.HCM có mức tăng là 31,27% mỗi năm và Đắk Nông là 37,58% mỗi năm.

Bảng 7. TSCĐ& ĐTTTC dài hạn và ĐTT của DN các địa phương

ĐVT: Tỷ VND

TSCĐ & ĐTTTC dài hạn				ĐTT		
Năm	2005	2011	TB/năm	2005	2011	TB/năm
Đà Nẵng	11.283	70.447	35,70%	40.205	135.072	22,38%
Lào Cai	1.823	9.998	32,80%	3.375	28.539	42,73%
Đắk Nông	527	9.363	61,54%	2.580	17.495	37,58%
TP.HCM	198,054	1.277.342	36,43%	544.363	2.784.983	31,27%

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê

Như vậy, cả 4 tiêu chí để đánh giá sự phát triển của DN đều không phản ánh xếp hạng PCI của địa phương. Nói cách khác, số liệu phân tích không cho thấy có sự khác biệt nào để phân biệt một địa phương thuộc nhóm đứng đầu bảng xếp hạng như Đà Nẵng và một địa phương thuộc nhóm đứng cuối bảng xếp hạng như Đắk Nông. Rõ ràng, điều này đặt ra rất nhiều câu hỏi cần được trả lời một cách thấu đáo hơn về tính hiệu lực của chỉ số PCI như một công cụ đo lường.

4.6. Thảo luận kết quả

Qua phân tích hệ số tương quan đối với việc xếp hạng PCI thì việc xếp hạng đối với các tiêu chí về DN tại các địa phương, tác giả không tìm thấy bằng chứng về sự tương quan giữa xếp hạng PCI và sự phát triển DN địa phương.

Cụ thể hơn, nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa xếp hạng PCI và xếp hạng phát triển của những chỉ số đối với DN địa phương. Trong xếp hạng của 4 chỉ số dùng để phân tích gồm có: số lượng DN, tổng số vốn, tổng TSCĐ&ĐTTCDH, tổng doanh thu; khi so sánh với xếp hạng PCI chưa cho thấy được mối tương quan chặt chẽ. Các hệ số tương quan đều không có sự đồng nhất trong dấu và biến động rất lớn.

Khi phân tích một số địa phương điển hình, nghiên cứu cũng không tìm thấy sự tương quan giữa xếp hạng PCI với sự phát triển DN của các địa phương này. Những địa phương đứng đầu bảng xếp hạng như Đà Nẵng, Lào Cai có khối lượng DN phát triển chưa có sự vượt trội hơn địa phương đứng chót bảng là Đắk Nông. Thậm chí một số chỉ tiêu Đắk Nông còn vượt trội hơn so với Đà Nẵng, Lào Cai. Hơn nữa, tình hình

tương tự khi so sánh TP.HCM với các địa phương trên cũng kết luận chưa có sự khác biệt nào cho phép dự đoán thứ hạng PCI từ số liệu về sự phát triển DN của các địa phương.

Đi tìm nguyên nhân dẫn đến các kết quả như trên, tác giả phát hiện ba nhóm chính như sau:

PCI có thể chưa phản ánh đầy đủ cho công tác quản lí và điều hành kinh tế địa phương.

Có rất nhiều yếu tố gây ra tình trạng này, một trong số đó chính là do phương pháp điều tra của PCI. Một ví dụ cụ thể là phần tiếp cận đất đai của DN. Xem xét bảng hỏi về nhóm chỉ tiêu này năm 2011, nhận thấy có 3 nhóm chỉ tiêu chính: (i) Thủ tục hành chính; (ii) Sự ổn định đất đai và đền bù thỏa đáng; và (iii) Sự tiếp cận đất đai. Rõ ràng, rất khó khăn khi phải so sánh một địa phương có ít DN với quỹ đất lớn với một địa phương có số lượng DN rất lớn với quỹ đất rất hạn chế. Một ví dụ minh họa đây là so sánh giữa Đà Nẵng với TP.HCM.

Bảng 8. Đất đai phân theo mục đích sử dụng

	DVT: 1.000 ha	
	Đà Nẵng	TP.HCM
Tổng diện tích	128,6	209,5
Đất sản xuất nông nghiệp	7,8	72,1
Đất lâm nghiệp	59,1	34,1
Đất chuyên dùng	41,0	33,0
Đất ở	6,1	23,7

Nguồn: Niên giám thống kê 2011

Rõ ràng, với một quỹ đất chuyên dùng nhỏ hơn Đà Nẵng, trong khi số lượng DN gấp hơn 10 lần, mọi việc ở TP.HCM đều khó khăn hơn, từ cấp phép đến định giá đất đai và tạo điều kiện thuận lợi cho DN tiếp cận đất đai. Đặc biệt, tiếp cận đất đai không phải là một yếu tố mà chính quyền địa phương có thể kiểm soát được. DN tự bản thân mình phải tìm kiếm địa điểm để hoạt động kinh doanh, việc này rõ ràng là ở địa phương như Đà Nẵng thì sẽ dễ dàng hơn TP.HCM. Điều này sẽ tác động đến đánh giá của các DN và tác động không ít đến sự so sánh của các địa phương với nhau.

Bên cạnh sự điều hành kinh tế của chính quyền địa phương, nhiều yếu tố tác động khác cần phải được tính đến trong nỗ lực thúc đẩy PTKT địa phương, hay ít nhất là tác động đến sự phát triển hoạt động các DN tại địa phương.

Bảng 9. Số dự án đầu tư nước ngoài đăng kí ở các địa phương năm 2011

	Số dự án	Tổng vốn đăng kí (triệu USD)
Lào Cai	2	28,8
Đồng Tháp	1	10,0
Đà Nẵng	37	477,8
Bình Dương	80	1.006,2
Đồng Nai	33	850,9
TP.HCM	359	3.144,6

Nguồn: Niên giám thống kê 2011

Điều gì khiến DN lựa chọn một nơi nào đó làm địa điểm sản xuất kinh doanh. Theo lý thuyết về địa lý kinh tế, địa điểm sẽ được quyết định dựa trên sự tính toán tối ưu về khoảng cách đến vùng nguyên liệu và thị trường. Số liệu về đầu tư nước ngoài vào các địa phương phần nào ghi nhận ảnh hưởng đó.

Những địa phương có giao thông không thuận tiện như Đồng Tháp (xếp thứ 4 PCI năm 2011) hay Lào Cai (xếp hạng 1 PCI năm 2011) nhận được rất ít sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Và điều này phần nào cũng đúng với các nhà đầu tư trong nước.

Ngược lại các địa phương có giao thông thuận tiện và tập trung dân cư sẽ nhận được nhiều sự quan tâm hơn như Đà Nẵng hay TP.HCM. Đặc biệt, các địa phương như Đồng Nai hay Bình Dương tuy không phải là trung tâm phát triển như Đà Nẵng hay TP.HCM, nhưng do gần khu vực tập trung dân cư như TP.HCM nên cũng nhận được nhiều sự chú ý từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Sự điều hành kinh tế địa phương được xem là một yếu tố quan trọng thu hút các DN đến với địa phương, nhưng bên cạnh đó còn có nhiều yếu tố khác mà tác động chung tạo nên bởi các yếu tố khác đó cũng cần phải được quan tâm đúng mức trong nỗ lực PTKT của các địa phương, hơn là chỉ đơn thuần tập trung vào việc gắng sức để tăng chỉ số PCI của địa phương.

Sự phát triển của DN ảnh hưởng không đáng kể tới PTKT địa phương.

Đây có thể là một nguyên nhân nhưng khả năng xảy ra là rất thấp. Vì theo số liệu của thống kê, các DN tạo ra hơn 60% tổng GDP cả nước. Do vậy, tác động của DN lên tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương không thể nào nhỏ.

Như vậy, hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các kết quả ở phần trên của nghiên cứu là: (i) PCI có thể chưa phản ánh đầy đủ cho công tác quản lý và điều hành kinh tế địa phương; và (ii) Bên cạnh việc điều hành kinh tế của chính quyền địa phương còn có nhiều yếu tố tác động khác cần phải được tính đến trong nỗ lực thúc đẩy PTKT địa phương.

5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

5.1. Kết luận và kiến nghị

PCI lâu nay được xem là một bộ chỉ số hoàn chỉnh về đánh giá khả năng quản lý nền kinh tế của cấp chính quyền địa phương. Ngoài ra, PCI cũng mang đến kì vọng rằng việc cải thiện PCI sẽ mang lại nhiều cơ hội thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu trên cho thấy giả thiết về sự tương quan giữa chỉ số PCI và công tác quản lý và điều hành kinh tế của chính quyền địa phương chưa được khẳng định qua thực tiễn. Nghĩa là, địa phương có xếp hạng cao về PCI không nhất thiết hàm ý là có DN phát triển hơn địa phương có xếp hạng về PCI thấp hơn. Ở đây, sự phát triển của DN được hiểu là sự gia tăng của một trong 4 yếu tố: Số lượng DN, tổng lượng vốn, tổng TSCĐ & ĐTTCDH, và tổng DTT.

Giới hạn của nghiên cứu là mới chỉ ra mối tương quan giữa PCI và sự phát triển của DN. Để biết được nguyên nhân của tình trạng này cần phải có nhiều nghiên cứu khác chuyên sâu hơn. Với kết quả nghiên cứu này, chúng ta cần phải nghiêm túc xem xét lại cách nhìn: Xem PCI là một chỉ số quan trọng duy nhất để đo lường công tác quản lý và điều hành kinh tế của chính quyền địa phương.

Nghiên cứu xin kiến nghị như sau:

- Đối với chính quyền địa phương: (i) Cần thận trọng khi phân tích kết quả của PCI; (ii) Không nên xem PCI là chỉ số quá quan trọng, thậm chí là duy nhất để đánh giá công tác quản lý và điều hành kinh tế địa phương; và (iii) Cải thiện PCI là một việc nên làm nhưng tập trung các giải pháp để phát triển các DN quan trọng hơn.

- Đối với các tổ chức tham gia khảo sát PCI: (i) Các tiêu chí đưa ra đều có tính hợp lý tuy nhiên mức độ ý nghĩa đến đâu là điều cần được xem xét lại; (ii) Cần phải

khảo sát đầy đủ hơn cả lợi thế mềm lẫn lợi thế cứng để có cái nhìn tổng quát hơn. Lợi thế mềm chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó tận dụng và phát huy được hết lợi thế cứng. Chỉ khảo sát lợi thế mềm không thôi sẽ rất khó để phân tích mối quan hệ nhân quả của nó đối với sự phát triển kinh tế địa phương.

- Đối với các doanh nghiệp: (i) Khi lựa chọn địa điểm để đầu tư kinh doanh, cần quan tâm đến nhiều yếu tố, không nên chú trọng quá mức đến chỉ số PCI, (ii) Khi đọc kết quả của PCI, cần phải chú ý đến các yếu tố nhỏ bên trong chứ không nên dừng ở các chỉ số lớn. Cần xác định xem chỉ số nào là cần thiết đối với doanh nghiệp từ đó có các giải pháp đúng đắn.

Đối với các nhà nghiên cứu chính sách: Cần có những nghiên cứu một cách toàn diện hơn để xác định chỉ số PCI đã thực sự phản ánh được công tác quản lý và điều hành kinh tế của chính quyền địa phương hay chưa.

5.2. Hạn chế của nghiên cứu và hướng phát triển các nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng số liệu được công bố từ Tổng cục Thống kê và VCCI. Các nghiên cứu tiếp theo có thể sử dụng các bộ số liệu khác để phân tích, qua đó sẽ làm rõ hơn mối quan hệ giữa PCI và phát triển của các địa phương.

Về xử lý số liệu, độ trễ của tính toán được sử dụng tối đa là 2 năm. Trong thực tế có thể thời gian cần thiết để những năng lực cạnh tranh phát huy hiệu quả thể hiện qua sự tương quan với mức độ phát triển của DN trên địa bàn các tỉnh thành cần một khoảng thời gian dài hơn khoảng thời gian 2 năm được xem xét của nghiên cứu. Những nghiên cứu tiếp theo nên xem xét độ trễ dài hơn 2 năm sẽ làm sáng tỏ hơn mối tương quan giữa chỉ số PCI và sự phát triển của DN của các địa phương, cũng như xác định được độ trễ mà sự tương quan là cực đại, nếu có.

Ngoài ra, nghiên cứu được thực hiện dựa trên những lập luận và hướng tiếp cận với những giả định rằng: (i) PCI có liên quan tới điều hành kinh tế địa phương; (ii) Sự điều hành này lại liên quan đến PTKT; và (iii) PTKT đến lượt nó lại có mối tương quan chặt chẽ với sự phát triển của DN.

Như vậy, để khẳng định hay bác bỏ chỉ số PCI, cần phải có các nghiên cứu khác với góc nhìn đa dạng hơn nhằm kiểm chứng mối quan hệ giữa chỉ số này với công tác quản lý và điều hành kinh tế của các địa phương ■

Tài liệu tham khảo

Tổng cục Thống kê (2013), *Sự phát triển của DN VN giai đoạn 2006 – 2011*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2011*.

VCCI (2008), “Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VN năm 2007”, http://www.pcivietnam.org/uploads/report/VNCI_PCI2007_VN.pdf, 11:46PM ngày 27/2/2014.

VCCI (2008), “Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VN năm 2006”, <http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202006.pdf>, 11:46PM ngày 27/2/2014.

VCCI (2009), “Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VN năm 2008”, <http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%2008%20day%20du.pdf>, 11:46PM ngày 27/2/2014.

VCCI (2010), “Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VN năm 2009”, <http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202009.pdf>, 11:46PM ngày 27/2/2014.

VCCI (2011), “Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VN năm 2010”, <http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202010.pdf>, 11:46PM ngày 27/2/2014.

VCCI (2012), “Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VN năm 2011”, http://www.pcivietnam.org/uploads/report/Bao%20cao%20PCI%202011_final.pdf, 11:46PM ngày 27/2/2014.

Website:

<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=12574>

http://www.pcivietnam.org/about_pci.php

http://www.pcivietnam.org/method_pci.php